

Bản án số: 231/2026/KDTM-ST

Ngày: 31-7-2026

V/v tranh chấp hợp đồng thuê tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy Hoa
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 123/2026/TLST-KDTM ngày 14 tháng 5 năm 2026, về việc “*Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1196/2026/QĐXXST-KDTM ngày 30 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1037/2026/QĐST-KDTM ngày 27 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần K (PLT); địa chỉ trụ sở: Số A, Đường số D, Khu phố F, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Hồng S, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, theo văn bản ủy quyền số ngày 28/4/2026; địa chỉ: Số C, đường D, Khu phố E, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn E; địa chỉ trụ sở: Số D, đường T, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn P, sinh năm 1985, là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn theo Giấy ủy quyền số 03/2026/UQ/E ngày 29/6/2026; địa chỉ: Số C, TCH H, Khu phố A, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện nộp ngày 04 tháng 5 năm 2026 và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện của nguyên đơn Công ty Cổ phần K trình bày:

Công ty Cổ phần K (viết tắt là Công ty P1) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn E ký Hợp đồng thuê cầu tháp số 021/25/PLT-E ngày 02/01/2025. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, nguyên đơn cho bị đơn thuê 01 cầu tháp với quy cách và thông số kỹ thuật của thiết bị như Điều 1 của hợp đồng, thời gian thuê thiết bị từ tháng 01/2025 đến tháng 9/2025. Bị đơn đã đặt cọc 150.000.000 đồng, số tiền đặt cọc này được khấu trừ cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn E theo khoản 4.2 Điều 4 của hợp đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Cổ phần K đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định trong hợp đồng. Theo Biên bản xác nhận công nợ được hai bên ký ngày 22/12/2025 thì tổng giá trị thanh toán khối lượng thuê (đã bao gồm VAT) mà Công ty Trách nhiệm hữu hạn E phải trả Công ty P1 là 1.219.579.161 đồng. Bị đơn đã trả cho nguyên đơn 409.045.993 đồng bao gồm các đợt 1, 2, 3). Sau khi khấu trừ tiền cọc, Công ty Trách nhiệm hữu hạn E còn nợ và phải trả cho Công ty P1 là 660.533.168 đồng (cụ thể: 1.219.579.161 đồng - 409.045.993 đồng - 150.000.000 đồng = 660.533.168 đồng), là số tiền bị đơn chưa thanh toán các đợt 4, 5, 6, 7, 8.

Mặc dù Hợp đồng thuê cầu tháp số 021/25/PLT-E ngày 02/01/2025 đã kết thúc, nguyên đơn đã gửi hồ sơ thanh toán đúng thời gian và đầy đủ như khoản 4.3 Điều 4 của hợp đồng nhưng bị đơn đã không thanh toán đúng và đủ. Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán đủ nhưng bị đơn không trả.

Ngày 28/3/2026, bị đơn có công văn số 02/2026/E-PLT về việc xác nhận công nợ và đề xuất phương án thanh toán, nguyên đơn đã đồng ý với phương án thanh toán của bị đơn theo công văn này để tạo điều kiện cho bị đơn có thời gian cân đối tài chính và thực hiện nghĩa vụ thanh toán hợp đồng. Tuy nhiên, bị đơn tiếp tục sai hẹn và không trả tiền thuê thiết bị còn lại cho nguyên đơn như phương án thanh toán mà bị đơn đề xuất.

Theo Điều 9 của hợp đồng nêu trên có thỏa thuận phạt chậm thanh toán bị đơn phải chịu lãi phạt là 0,1%/ngày trên số tiền gốc còn nợ, được tính theo công thức: Lãi chậm thanh toán = số tiền chậm thanh toán x số ngày tính lãi x 0,1%. Số tiền lãi phạt do bị đơn chậm thanh toán theo từng đợt cụ thể như sau:

+ Đợt 4: Theo hóa đơn số 82 ngày 23/6/2025, thời gian tính lãi từ ngày 02/8/2025 đến ngày 30/4/2026 là 272 ngày; số tiền lãi phạt là: 134.014.794 đồng x 272 ngày x 0,1% = 36.452.024 đồng;

+ Đợt 5: Theo hóa đơn số 103 ngày 30/7/2025, thời gian tính lãi từ ngày 08/9/2025 đến ngày 30/4/2026 là 235 ngày; số tiền lãi phạt là: 131.765.187 đồng x 235 ngày x 0,1% = 30.964.819 đồng;

+ Đợt 6: Theo hóa đơn số 124 ngày 29/8/2025, thời gian tính lãi từ ngày 08/10/2025 đến ngày 30/4/2026 là 205 ngày; số tiền lãi phạt là: 146.439.170 đồng x 205 ngày x 0,1% = 30.020.030 đồng;

+ Đợt 7: Theo hóa đơn số 142 ngày 29/9/2025, thời gian tính lãi từ ngày 08/11/2025 đến ngày 30/4/2026 là 174 ngày; số tiền lãi phạt là: 156.051.129 đồng x 142 ngày x 0,1% = 27.152.896 đồng;

+ Đợt 8: Theo hóa đơn số 179 ngày 21/11/2025, thời gian tính lãi từ ngày 32/12/2025 đến ngày 30/4/2026 là 121 ngày; số tiền lãi phạt là: 92.262.888 đồng x 121 ngày x 0,1% = 11.163.809 đồng.

Công ty Cổ phần K khởi kiện, yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn E phải thanh toán cho Công ty Cổ phần K số tiền nợ gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 30/4/2026 là 796.286.747 đồng theo Hợp đồng thuê cầu tháp số 021/25/PLT-E ngày 02/01/2025, trong đó nợ gốc là 660.533.168 đồng và nợ lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất 0,1%/ngày là 135.753.579 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi phát sinh sau ngày 30/4/2026.

Thời hạn thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán đủ số tiền còn nợ trên ngay sau khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tài phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn E trình bày:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn E xác nhận có ký Hợp đồng thuê cầu tháp số 021/25/PLT-E ngày 02/01/2025 với Công ty Cổ phần K để phục vụ thi công công trình S1. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã thanh toán một phần tiền thuê cho Công ty P1. Theo bảng theo dõi công nợ và các tài liệu hai bên đã đối chiếu, hiện bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 660.533.168 đồng. Bị đơn có công văn đề ngày 28/3/2026 xác nhận nợ và đề xuất phương án thanh toán cho nguyên đơn.

Bị đơn không trốn tránh nghĩa vụ thanh toán, nguyên nhân bị đơn chậm thanh toán xuất phát từ khó khăn thực tế trong quá trình thi công công trình S1, công trình phát sinh thua lỗ, chi phí thi công tăng so với dự toán, dòng tiền của bị đơn bị gián đoạn. Bị đơn còn khoảng 20% giá trị công trình chưa được tổng thầu thanh toán/ứng tiếp do công trình chưa hoàn tất nghiệm thu, bàn giao nên bị đơn chưa có đủ nguồn tiền để thanh toán một lần toàn bộ số nợ cho nguyên đơn.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn E đồng ý trả nợ gốc 660.533.168 đồng cho Công ty Cổ phần K. Đối với khoản lãi chậm thanh toán, bị đơn đề nghị nguyên đơn xem xét miễn, giảm hoặc không tiếp tục tính lãi trong thời gian hai bên thực hiện phương án hòa giải. Trường hợp hai bên không thống nhất về tiền lãi thì bị đơn đề nghị Tòa án xem xét theo hợp đồng, chứng cứ và quy định của pháp luật để xác định mức lãi phù hợp.

Theo bảng theo dõi công nợ giữa hai bên có 08 đợt thuê cầu tháp, Công ty Trách nhiệm hữu hạn E đề nghị Công ty P1 miễn giảm số tiền của đợt thuê thứ 5

là 115.779.981 đồng. Sau khi giảm khoản này, bị đơn còn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 544.753.187 đồng.

Thời hạn thanh toán: Công ty Trách nhiệm hữu hạn E cam kết thanh toán số tiền 544.753.187 đồng còn lại cho nguyên đơn trong 12 kỳ, mỗi tháng thanh toán 45.000.000 đồng làm 01 lần, chậm nhất ngày cuối tháng, kỳ 01 thanh toán chậm nhất ngày 31/7/2026 đến kỳ 11 thanh toán chậm nhất ngày 31/5/2027, riêng kỳ 12 bị đơn sẽ thanh toán chậm nhất ngày 30/6/2027 với số tiền còn lại là 49.753.187 đồng. Trường hợp được tổng thầu thanh toán phần 20% giá trị công trình còn lại trước thời hạn nêu trên thì bị đơn cam kết ưu tiên thanh toán cho nguyên đơn sớm hơn lộ trình.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về hợp đồng thuê tài sản nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Công ty Trách nhiệm hữu hạn E đã ký hợp đồng thuê tài sản là cầu tháp với Công ty Cổ phần K theo như nội dung vụ án đã trình bày, đến hạn thanh toán bị đơn vi phạm nghĩa vụ, chưa thanh toán hết nợ cho nguyên đơn. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần K. Án phí xử lý theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Công ty Cổ phần K và Công ty Trách nhiệm hữu hạn E ký hợp đồng thuê tài sản là cầu tháp, do đó có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có giao kết hợp đồng kinh doanh thương mại. Do Công ty Trách nhiệm hữu hạn E không trả tiền đúng hạn nên Công ty Cổ phần K được quyền khởi kiện, theo khoản 2 Điều 68, Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung).

Công ty Trách nhiệm hữu hạn E được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H (nay là Sở T1) cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, công ty chưa đăng ký giải thể và có trụ sở tại số D, đường T, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh, người đại diện theo pháp luật của công ty là ông Nguyễn Thành T, giám đốc công

ty. Nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận về thẩm quyền giải quyết tranh chấp tại Điều 6 của hợp đồng, do bị đơn có địa chỉ trụ sở tại phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung), vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Về người tham gia tố tụng: Đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty Cổ phần K có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung), Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn. Bị đơn có mặt tại phiên tòa xét xử.

[2]. *Về nội dung:*

Xét quan hệ pháp luật tranh chấp: Công ty Cổ phần K và Công ty Trách nhiệm hữu hạn E ký hợp đồng thuê tài sản là cầu tháp, đây là hoạt động kinh doanh, thương mại phát sinh giữa hai pháp nhân có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là tranh chấp hợp đồng thuê tài sản, được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung).

Xét yêu cầu của Công ty Cổ phần K, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự, xét thời điểm giao kết, thực hiện hợp đồng, Hội đồng xét xử thấy Luật Thương mại năm 2005 (đã được sửa đổi, bổ sung) không có quy định cụ thể về hợp đồng thuê tài sản nên áp dụng luật nội dung chung; căn cứ Điều 472 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Hợp đồng thuê tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho thuê giao tài sản cho bên thuê để sử dụng trong một thời hạn, bên thuê phải trả tiền thuê*”; Điều 481 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Bên thuê phải trả đủ tiền thuê đúng thời hạn đã thỏa thuận; nếu không có thỏa thuận về thời hạn trả tiền thuê thì thời hạn trả tiền thuê được xác định theo tập quán nơi trả tiền; nếu không thể xác định được thời hạn theo tập quán thì bên thuê phải trả tiền khi trả lại tài sản thuê*”.

Căn cứ vào Hợp đồng thuê cầu tháp số 021/25/PLT-E ngày 02/01/2025 được ký giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn E với Công ty Cổ phần K cho thấy việc giao kết hợp đồng thuê tài sản giữa các bên là có thật và trên cơ sở tự nguyện, nội dung các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 472 Bộ luật Dân sự năm 2015 và các quy định khác của pháp luật nên có giá trị pháp lý.

Xét thỏa thuận của các đương sự trong Hợp đồng thuê cầu tháp số 021/25/PLT-E ngày 02/01/2025 và quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Cổ phần K là bên cho thuê tài sản, Công ty Trách nhiệm hữu hạn E là bên thuê, nguyên đơn cho bị đơn thuê 01 cầu tháp T7020-12T có tải trọng max 12 tấn, lắp dựng công trình Công ty TNHH S2 tại địa chỉ Lô G, góc đường N và đường D, KCN H, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An; bị đơn có trách nhiệm tạm ứng và thanh toán hợp đồng cho nguyên đơn theo Điều 4 của hợp đồng; bị đơn đặt cọc 150.000.000 đồng, số tiền đặt cọc này được khấu trừ cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn E theo khoản 4.2 Điều 4 của hợp đồng.

Nguyên đơn trình bày nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định trong hợp đồng nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ, đúng hạn tiền thuê cầu tháp theo thỏa thuận cho nguyên đơn; hai bên đã đối chiếu công nợ vào ngày 22/12/2025.

Xét Biên bản xác nhận công nợ ngày 22/12/2025, bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền thuê cầu tháp là 660.533.168 đồng, nhưng đến nay bị đơn vẫn chưa trả hết số tiền này cho nguyên đơn là bị đơn đã vi phạm về thời hạn thanh toán theo như thỏa thuận trong Hợp đồng thuê cầu tháp nên nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả số nợ trên là có cơ sở theo Điều 481 Bộ luật Dân sự năm 2015. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tổng số tiền nợ tính đến ngày 30/4/2026 là 796.286.747 đồng theo Hợp đồng thuê cầu tháp số 021/25/PLT-E ngày 02/01/2025, trong đó nợ gốc là 660.533.168 đồng và nợ lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất 0,1%/ngày là 135.753.579 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi phát sinh sau ngày 30/4/2026.

Xét quá trình tố tụng, đại diện hợp pháp của Công ty Trách nhiệm hữu hạn E xác nhận khoản nợ gốc trên và đề nghị nguyên đơn xem xét miễn giảm số tiền của đợt thuê thứ 5 là 115.779.981 đồng, miễn, giảm hoặc không tiếp tục tính lãi, để thời hạn cho bị đơn thanh toán trong hạn 12 kỳ là từ nay đến ngày 30/6/2027. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần K không đồng ý các đề nghị trên của bị đơn, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và buộc bị đơn phải thanh toán đủ số tiền còn nợ trên ngày sau khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả tiền lãi suất chậm trả trên số tiền thuê xe còn nợ, nhận thấy hợp đồng thuê xe các bên có thỏa thuận về thời hạn thanh toán và lãi suất phạt chậm trả. Tại Điều 9 của hợp đồng có thỏa thuận trong trường hợp bị đơn chậm thanh toán tiền thuê của tháng, nguyên đơn sẽ tính thêm tiền phạt chậm thanh toán với lãi suất phạt 0,1%/ngày trên số tiền thanh toán chậm, tiền phạt chậm thanh toán được tính kể từ ngày thứ 31 kể từ ngày nguyên đơn xuất hóa đơn GTGT. Theo tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho Tòa án thể hiện nguyên đơn đã thực hiện nghĩa vụ xuất hóa đơn thuế, các bên cũng đã đối chiếu xác nhận số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn như nhận định ở trên. Hội đồng xét xử nhận thấy mức phạt trả chậm theo lãi suất mà các bên thỏa thuận nêu trên là phù hợp với quy định tại các Điều 300, 301, 306 của Luật Thương mại năm 2005 (đã được sửa đổi, bổ sung) và Bộ luật Dân sự năm 2015.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy do Công ty Trách nhiệm hữu hạn E vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty Cổ phần K nên nguyên đơn yêu cầu thu hồi lại số tiền thuê cầu tháp bị đơn còn nợ và tiền phạt lãi chậm trả là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; cần buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn E phải trả cho Công ty Cổ phần K tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 30/4/2026 là 796.286.747 đồng theo Hợp đồng thuê cầu tháp số 021/25/PLT-E ngày 02/01/2025, trong đó nợ gốc là 660.533.168 đồng và nợ lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất 0,1%/ngày là 135.753.579 đồng; thanh toán một lần ngay sau khi có bản án của Tòa án có hiệu

lực pháp luật. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi phát sinh sau ngày 30/4/2026. Đến hạn thanh toán, bị đơn chưa trả hết nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành toàn bộ khoản nợ trên để thu hồi nợ cho nguyên đơn.

Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[3]. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật phí, lệ phí năm 2015, yêu cầu của Công ty Cổ phần K được chấp nhận nên Công ty Trách nhiệm hữu hạn E phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với khoản nợ mà Công ty Trách nhiệm hữu hạn E phải trả. H lại tiền tạm ứng án phí cho Công ty Cổ phần K đã nộp.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 147, Điều 150, Điều 177, Điều 179, Điều 186, Điều 203, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung);

Căn cứ Điều 300, Điều 301, Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 (đã được sửa đổi, bổ sung);

Căn cứ Điều 472, Điều 481, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2025;

Căn cứ Luật phí, lệ phí và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần K (PLT).

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn E phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần K tổng cộng tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 30/4/2026 theo Hợp đồng thuê cầu thép số 021/25/PLT-E ngày 02/01/2025 là 796.286.747 (Bảy trăm chín mươi sáu triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn bảy trăm bốn mươi bảy) đồng, trong đó nợ gốc thuê cầu thép là 660.533.168 (Sáu trăm sáu mươi triệu năm trăm ba mươi ba nghìn một trăm sáu mươi tám) đồng, nợ lãi chậm thanh toán là 135.753.579 (Một trăm ba mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn năm trăm bảy mươi chín) đồng.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, thi hành tại cơ quan, tổ chức có thẩm quyền Thi hành án dân sự.

Đến hạn thanh toán mà Công ty Trách nhiệm hữu hạn E chưa thanh toán hết số tiền còn nợ nêu trên thì Công ty Cổ phần K được quyền yêu cầu cơ quan,

tổ chức có thẩm quyền Thi hành án dân sự thi hành toàn bộ số tiền còn nợ để thu hồi nợ cho Công ty Cổ phần K.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bên phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nêu trên, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2- Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn E phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 35.851.470 (Ba mươi lăm triệu tám trăm năm mươi một nghìn bốn trăm bảy mươi) đồng đối với số tiền mà Công ty Trách nhiệm hữu hạn E phải trả là 796.286.747 (Bảy trăm chín mươi sáu triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn bảy trăm bốn mươi bảy) đồng.

Công ty Cổ phần K được nhận lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 17.925.735 (Mười bảy triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn bảy trăm ba mươi lăm) đồng theo biên lai thu số 0030133 ngày 14 tháng 5 năm 2026 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3- Về quyền kháng cáo: Công ty Cổ phần K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, Công ty Trách nhiệm hữu hạn E có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4- Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án/quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Điều 4 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện và thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 8, 34, 36 và Điều 71 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP . HCM;
- VKSND Khu vực 7;
- Phòng THADS Khu vực 7;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS (Tú).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Tám

